

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-PT

Ngày 17 - 05 - 2022

V/v yêu cầu chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thi

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng N Anh

Ông Phạm Văn Phần

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bảo Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số 89/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế. Do Bản án sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39a/2022/QĐXXPT-DS ngày 05/05/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế Q, sinh năm 1953.

Cư trú: Xóm a, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hải L (tên gọi khác: Nguyễn Thế L), sinh năm 1949.

Cư trú: Xóm b, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Đại diện theo ủy Q của ông Nguyễn Hải L: Ông Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm b, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1951.

Cư trú: Xóm a, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- *Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1946; cư trú: Xóm b, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1956; cư trú: Xóm a, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1961; cư trú: Số c, ngõ d, đường Hồ Phi T, khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965; cư trú: Thôn H, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; cư trú: Số e, hẻm f, ngõ h, đường Trần Bình T, khối T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thế L4, sinh năm 1976, địa chỉ: Xóm b, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị L3, bà Nguyễn Thị B là người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện QL, vụ án có nội dung:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2020 và các lời khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thế Q trình bày: Bố mẹ ông là ông Nguyễn Thế L4 (tên gọi khác Nguyễn Văn L4) chết năm 2010, bà Lê Thị D chết năm 1992, trong quá trình chung sống sinh được 08 người con gồm: Nguyễn Hải L, Nguyễn Thế C, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn N và ông, hiện nay tất cả các anh chị em đều còn sống. Bố mẹ không có con nuôi, con riêng. Bố mẹ chết không để lại di chúc, tài sản để lại Q sử dụng đất, thửa đất số 1938, tờ bản đồ số 04, diện tích 496m² theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68, diện tích 470m² và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 452,2m²) tại xóm a (xóm f cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Được Ủy ban nhân dân huyện QL cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất số A592851 ngày 16 tháng 6 năm 1993 (vào sổ cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất số 1150 QSDĐ/193 QĐ-UB) mang tên Nguyễn Văn L4. Ngoài giấy chứng nhận Q sử dụng đất trên thì thửa đất không có giấy chứng nhận Q sử dụng đất nào khác. Trước khi bố mẹ mất có một ngôi nhà ngói cấp bốn 04 gian đã xuống cấp, sau đó bão đổ mất một gian còn lại ba gian. Sau khi bố mẹ

mất, anh em giao lại toàn bộ tài sản của bố mẹ cho em trai là ông Nguyễn Văn N quản lý, sử dụng. Vì điều kiện làm ăn ở xa tại thành phố Vinh nên ông N đã giao lại toàn bộ tài sản trên cho ông chăm lo nhà cửa nương vườn, hương khói cho bố mẹ. Đến năm 2014, ông Nguyễn Thế C đòi sang ở và trông coi toàn bộ nương vườn nhà cửa, ông Nguyễn Hải L giữ Giấy chứng nhận Q sử dụng đất không chịu giao để làm bìu đất mới. Tài sản trên đất hiện nay có 01 nhà cấp bốn ba gian đã xuống cấp, không có giá trị sử dụng. Các di sản trên hiện không ai quản lý. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện QL chia tài sản thừa kế để lại là Q sử dụng đất thửa đất số 1938, theo bản đồ 299 (nay là thửa 207, tờ bản đồ số 17, diện tích 452,2m²) tại xóm a (xóm f cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Ông xin được nhận một phần tài sản thừa kế của bố mẹ để lại là 56,5m². Tại phiên tòa, ông xin giao phần của mình được nhận cho ông Nguyễn Văn N quản lý, sử dụng, không yêu cầu ông N trả lại trị giá bằng tiền.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Hải L trình bày: Thống nhất với nguyên đơn về họ tên, thời gian bố mẹ mất cũng như tài sản bố mẹ để lại là Q sử dụng đất thửa đất số 1938, tờ bản đồ số 4, diện tích 496m² theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68, diện tích 470m² và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 452,2m²) tại xóm 6 (xóm 9 cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện QL cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Luận. Tài sản trên đất của bố mẹ hiện đang còn là một ngôi nhà ngói cấp bốn 03 gian đã xuống cấp, không có giá trị sử dụng. Mẹ mất không để lại di chúc, bố để lại “Giấy chuyển quyền thừa kế” có nội dung để lại toàn bộ đất đai nhà cửa cho con trai ông là Nguyễn Thế L4 được quyền quản lý sử dụng. Từ khi bố mất ông Q có sang quản lý, hương khói. Nay ông Q yêu cầu khởi kiện chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất của bố mẹ, ông không đồng ý chia. Ông chỉ đồng ý chia tài sản thừa kế trên thành hai phần, một phần cho ông Nguyễn Văn N sử dụng, một phần để làm nơi thờ cúng bố mẹ ông bà. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông L là anh Nguyễn Văn H trình bày thống nhất với lời khai của bố anh trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung trường hợp đất đai để lại làm nhà thờ, gia đình ông L sẽ chịu 1/3 chi phí, còn 2/3 chi phí các chú chịu, còn không để lại làm nhà thờ.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Thế C trình bày: Thống nhất với nguyên đơn về họ tên, thời gian mất và tài sản thừa kế của bố mẹ để lại. Từ khi bố mất thì ông là người quản lý bảo quản tài sản. Diện tích đất ông đang ở hiện nay là của ông bà ngoại, nên ông Q yêu cầu chia tài sản thừa kế của bố mẹ thành 8 phần, ông không đồng ý. Ông yêu cầu chia tài sản thừa kế làm hai phần, một phần làm nhà thờ 226,1m², một phần chia cho ông 113,05m² và ông Nguyễn Văn N 113,05m².

- Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị Liễu và ông Nguyễn Văn N trình bày: Thống nhất với nguyên đơn và bị đơn về họ tên, thời gian bố mẹ mất, tài sản thừa kế của bố mẹ để lại là Q sử dụng đất thừa đất số 1938, tờ bản đồ số 4, diện tích 496m² theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68, diện tích 470m² và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 452,2m²) tại xóm a (xóm f cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An và ngôi nhà cấp bốn ba gian đã cũ nát, không còn giá trị. Khi bố mẹ mất đều không để lại di chúc. Nay ông Q yêu cầu chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất, ông bà đều thống nhất chia diện tích đất trên thành 8 phần, mỗi người được nhận 56,5m². Tại phiên tòa các bà L1, L2, L3 xin tỷ phần của mình bằng hiện vật và giao cho bà B, các bà không yêu cầu bà B trích chia lại bằng tiền. Ông N yêu cầu được nhận kỷ phần bằng hiện vật để làm nhà thờ.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Thửa đất số 1939 tờ bản đồ số 4 theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68 và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17) tại xóm 6 (xóm 9 cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An, có tứ cận: Phía Đông giáp đường xóm dài 3,29m + 4,72m + 6,18m + 2,87m + 2,37m + 4,21m, phía Tây giáp thửa 206 dài 7,15m + 7,72m + 2,12m, phía Nam giáp đường xóm dài 12,61m + 11,22m, phía Bắc giáp thửa 178 và thửa 179 dài 1,18m + 1,01m + 1,40m + 1,94m + 9,65m + 3,68m + 0,43m + 1,61m, diện tích đo thực tế 439,5m². Giá trị thửa đất tại thời điểm định giá 3.000.000 đồng/m² đất ở x 439,5m² = 1.318.500.000 đồng (một tỷ, ba trăm mười tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Trên thửa đất có các tài sản: 01 (một) ngôi nhà ngói ba gian đã cũ, diện tích 39,76m² không có giá trị sử dụng; nhà bếp lợp ngói xuống cấp, diện tích 14,5m không còn giá trị sử dụng, bờ bao phía đông xây sò tấp lô nằm 16,95m x cao 1m; bờ bao phía nam xây sò tấp lô nằm 23,4m x cao 1,3m; bờ bao phía tây xây sò tấp lô nằm 3,8m x cao 1,3m và 12,6m x cao 1m; 02 trụ cổng rộng 40cm x cao 2m; cổng sắt 02 cánh 2,8m x cao 1,8m; bể nước ghép thành có đường kính 1,2m; 16 cây chuối chưa có buồng, 05 cây chuối đã có buồng, 01 cây vú sữa. Tài sản trên đất nguyên đơn không yêu cầu định giá, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá đối với tài sản trên đất.

Tòa án đã tiến hành Thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không ai có khiếu nại hay ý kiến gì về tình trạng và giá trị tài sản đã được xem xét.

Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Nguyễn Thế Q thỏa thuận chịu chi phí xem xét thẩm định tài sản, không yêu cầu các

đương sự khác phải chi trả lại.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã QH về việc tăng, giảm diện tích của thửa đất số 1938, tờ bản đồ số 4 theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68 và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17) tại xóm a (xóm f cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Thửa đất có ranh giới sử dụng ổn định, hình thể thửa đất không thay đổi và không có tranh chấp với các hộ liền kề. Thửa đất có sự khác nhau về số L3 diện tích qua các bản đồ là do sai số đo đạc. Theo bản đồ số 452,2m² nhưng khi đo thực tế 439,5m² là do năm 2014 gia đình hiến đất làm đường 12,7m².

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện QL xét xử sơ thẩm quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26; các Điều 25,39, 147, 267, 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mục thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản của cụ Nguyễn Văn L4 và cụ Lê Thị D đối với thửa đất số 1938, tờ bản đồ số 4 theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68 và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17) tại xóm a (xóm f cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An có diện tích đo thực tế 439,5m² được Ủy ban nhân dân huyện QL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 592851 ngày 16 tháng 6 năm 1993 mang tên Nguyễn Văn L4 theo quy định của pháp luật. Di sản hiện nay không có người quản lý. Phân chia cụ thể như sau:

1. Chia cho ông Nguyễn Hải L được quyền sử dụng đất ở có diện tích 219,8m² thuộc thửa đất số 1938, tờ bản đồ số 4 theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68 và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17) tại xóm a (xóm f cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An, có tứ cận, kích thước cụ thể: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn N dài 18,10m, phía Tây giáp thửa đất số 206 dài 7,15m + 7,72m + 2,12m, phía nam giáp đường xóm dài 12,61m, phía bắc giáp thửa đất số 178 và 179 dài 9,65m + 3,68m + 0,43m + 1,61m. Và được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm có bờ bao phía nam dài 12,61m và bờ bao phía đông dài 16,95m.

2. Chia cho ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng đất ở có diện tích 219,7m² thuộc thửa đất số 1938, tờ bản đồ số 4 theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68 và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17)

tại xóm a (xóm f cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An, có tứ cận, kích thước cụ thể: Phía Đông giáp đường xóm dài 3,29m + 4,72m + 6,18m + 2,87m + 2,37m + 4,21m, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Hải L dài 18,10m, phía nam giáp đường xóm dài 1,22m, phía bắc giáp thửa 178 và thửa 179 dài 1,18m + 1,01m + 1,40m + 1,94m. Và được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm có 01 (một) nhà ngói ba gian đã cũ, 01 (một) nhà bếp đã cũ, bờ bao phía nam dài 10,79m, bờ bao phía tây dài 3,8m + 12,6m, 02 trụ cổng, cổng sắt, bể nước.

3. Buộc ông Nguyễn Hải L có nghĩa vụ thanh toán giá trị chia kỳ phần thừa kế cho ông Nguyễn Thế C số tiền 164.812.500 đồng (một trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) cho bà Nguyễn Thị B số tiền 329.625.000 đồng (ba trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán giá trị chia kỳ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị B số tiền 329.625.000 đồng (ba trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Bà Nguyễn Thị B được quyền sở hữu số tiền 659.250.000 đồng (sáu trăm năm mươi chín triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng) do ông Nguyễn Hải L và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán giá trị chia kỳ phần thừa kế.

6. Ông Nguyễn Thế C được quyền sở hữu số tiền 164.812.500 đồng (một trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) do ông Nguyễn Hải L có nghĩa vụ thanh toán giá trị chia kỳ phần thừa kế.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Tòa sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm chịu lệ phí, án phí, thi hành án và quyền kháng cho các đương sự.

Ngày 05/10/2021 bà Nguyễn Thị L3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan viết đơn kháng cáo trình bày: Bà kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 10/10/2021, bà Nguyễn Thị L2, ngày 11/10/2021 bà Nguyễn Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ L2 quan viết đơn kháng cáo trình bày: Bản án sơ thẩm không xem xét đến nguyện vọng của bà dẫn đến quyết định của bản án không khách quan và hợp L nên bà kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, chia đất theo nguyện vọng được hưởng tài sản thừa kế là đất.

Ngày 10/10/2021, bà Nguyễn Thị L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan viết đơn kháng cáo trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại, cho bà được nhận phần tài sản thừa kế của bà bằng hiện vật, bà không cho bà Nguyễn Thị B nữa mà góp vào phần của ông Nguyễn Văn N để làm nhà thờ cho bố mẹ.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các bà: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị L3 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm chấp nhận thỏa thuận như sau: Phần đất bà L3 được hưởng thừa kế cho bà B và không yêu cầu bà B trả giá trị tiền đất được hưởng thừa kế cho bà L3. Bà L1, bà L2, ông Q, ông N được hưởng thừa kế chung 01 suất đất nhưng giao cho ông N quản lý, sử dụng và không yêu cầu ông N trả giá trị tiền đất được hưởng thừa kế cho bà L1, bà L2, ông Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định tại các Điều 51, 243, 251, 258, 260 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị L3, bà Nguyễn Thị B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận chia thừa đất làm ba phần: Phần 1: Ông Nguyễn Thế Q, bà Nguyễn Thị Luận, bà Nguyễn Thị L2 và ông Nguyễn Văn N, nhưng giao cho ông Nguyễn Văn N sử dụng có diện tích 219,7m² để ông N làm nhà thờ, không buộc ông N giao tiền hưởng tài sản cho Nguyễn Thế Q, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2.

Phần 2: Chấp nhận thỏa thuận bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L3, giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng phần đất 105,8m², bà L3 không yêu cầu bà B trả lại tiền được hưởng di sản của bà.

Phần 3: Giao cho ông Nguyễn Hải L sử dụng 114m². Ông Nguyễn Hải L có nghĩa vụ thanh toán giá trị chia kỹ phần thừa kế đất cho ông Nguyễn Thế C số tiền 164.812.500 đồng (vì ông L và ông C không kháng cáo nên giữ nguyên quyền lợi như bản án sơ thẩm đã tuyên).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài L3 có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện QL tuyên án ngày 30/9/2021. Ngày 05 đến ngày 11 tháng 10 năm 2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị L3, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo bản án gửi đến Tòa án (kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án) theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ L giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi liên quan, quá trình giải quyết vụ án đã được triệu tập hợp lệ. Bà L1 và bà L2 có giấy đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ pháp luật, các đương sự có kháng cáo không kháng cáo về tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không phải xem xét.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị L3 kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm chưa xem xét đến nguyện vọng của các bà, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận thỏa thuận của các bên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Nội dung vụ án: Các đương sự yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ Nguyễn Văn L4 và cụ Lê Thị D là thửa đất số 1938, tờ bản đồ số 4 theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68 và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17), địa chỉ tại xóm a (xóm f cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện QL cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số A 592851 ngày 16 tháng 6 năm 1993 mang tên Nguyễn Văn L4. Diện tích đo thực tế thời điểm các đương sự yêu cầu chia thừa kế là 439,5m².

Quá trình điều tra các đương sự đều thống nhất, cụ Nguyễn Thế L4 (tên gọi khác Nguyễn Văn L4) chết năm 2010, cụ Lê Thị D chết năm 1992, trong quá trình vợ chồng các cụ chung sống sinh được 08 người con: Nguyễn Hải L, Nguyễn Thế C, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị L3, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn N.

Do cụ Nguyễn Văn L4 chết năm 2010, cụ Lê Thị D chết năm 1992 đều không để lại di chúc nên các con của hai cụ được hưởng thừa kế di sản theo quy

định Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trên thửa đất còn 03 gian nhà di sản cụ Nguyễn Văn L4 và cụ Lê Thị D xây dựng. Các đương sự (08 người con cụ L4 và cụ D) được hưởng thừa kế di sản theo quy định pháp luật thống nhất ngôi nhà cũ hư hỏng không yêu cầu Tòa án chia, chỉ yêu cầu Tòa án chia diện tích thửa đất đo thực tế có diện tích 439,5m² phần tài sản trên đất giao cho người nào sử dụng đất thì được sở hữu tài sản.

Các đương sự đồng ý chia thửa đất làm ba phần đã được đo vẽ sơ đồ và thống nhất như sau:

Phần thứ nhất: Diện tích 219,7m², thuộc thửa đất số 1938, tờ bản đồ số 4 theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68 và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17), tại xóm 6 (xóm 9 cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An, có tứ cận, kích thước cụ thể: Phía Tây giáp đường xóm dài 3,29m + 4,72m + 6,18m + 2,87m + 2,37m + 4,21m, phía Đông giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Hải L dài 18,10m; phía Nam giáp đường xóm dài 11,22m, phía bắc giáp thửa 178 và thửa 179 dài 1,18m + 1,01m + 1,40m + 1,94m + 2,74m. Trên phần này có 01 (một) nhà ngói ba gian đã cũ, 01 (một) nhà bếp đã cũ, bờ bao phía nam dài 10,79m, bờ bao phía tây dài 3,8m + 12,6m, 02 trụ công, cổng sắt, bể nước đã cũ bỏ hoang phế các đương sự không yêu cầu chia. Chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thế Q, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2 và ông Nguyễn Văn N. Giao cho ông Nguyễn Văn N sử dụng phần đất có diện tích 219,7m², có kích thước tứ cận như ghi trên để sau này ông N làm nhà thờ bố mẹ. Ông Nguyễn Thế Q, bà Nguyễn Thị Luận, bà Nguyễn Thị L2 không yêu cầu ông N phải trả lại tiền giá trị đất các ông bà được hưởng khi chia thừa kế.

+ Phần thứ hai: Diện tích 114,m² có kích thước phía Tây giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Văn N sử dụng có kích thước 18,1m và phía Đông giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng có kích thước 18,1m, các cạnh bắc và nam có kích thước 6,3m. Do bản án sơ thẩm đã quyết định buộc ông Nguyễn Hải L có nghĩa vụ thanh toán giá trị chia kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Thế C số tiền 164.812.500 đồng (một trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng), ông Nguyễn Thế C và ông Nguyễn Hải L không kháng cáo. Do đó, giữ nguyên giao phần diện tích đất này cho Nguyễn Hải L sử dụng và ông L giao cho ông C giá trị chia kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Thế C được hưởng số tiền 164.812.500 đồng (một trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

+ Phần thứ ba: Diện tích đất còn lại 105,8m² có kích thước cạnh phía Bắc 0,61m + 3,68m + 0,43m + 1,61m, cạnh phía Nam có kích thước 6,31m giáp

đường xóm, cạnh phía Đông 2,12m + 7,72m + 7,15m. Chấp nhận thỏa thuận của bà B và bà L3 giao phần đất này cho bà Nguyễn Thị B sử dụng, bà B không phải giao giá trị tiền đất được hưởng thừa kế cho bà L3.

Về tài sản trên đất có 01 (một) nhà ngói ba gian đã cũ, 01 (một) nhà bếp đã cũ, 02 trụ cổng, cổng sắt, bể nước và bờ bao xây bằng táp lô cũ, các đương sự thỏa thuận phần di sản có trên phần đất giao cho người nào thì người đó được Q sở hữu sử dụng.

Các phần đất chấp nhận giao cho các đương sự sử dụng có sơ đồ kèm theo được đo vẽ ngày 08/4/2022 có tại hồ sơ vụ án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm Q để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Như vậy chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị L3, bà Nguyễn Thị B, sửa bản án sơ thẩm để đảm bảo Q lợi nguyện vọng của các đương sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn tiền án phí dân sự. Ông Nguyễn Văn N sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị B sinh năm 1965 phải chịu tiền án phí đối với tài sản được hưởng thừa kế. Các chi phí thẩm định vẽ lại các phần đất các đương sự đã thỏa thuận nộp đủ, đã chi và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị L3, bà Nguyễn Thị B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26; Các Điều 35; 39; 147; Điều 267; 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 106 Luật đất đai năm 2003; các Điều 95, 99, 167 và điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai năm 2013. Các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thế Q (nguyên đơn) về việc chia di sản của cụ Nguyễn Văn L4 và cụ Lê Thị D đối với thửa đất số 1938, tờ bản đồ số 4 theo bản đồ 299 (theo bản đồ địa chính là thửa 1095, tờ bản đồ 119-68 và bản đồ số là thửa 207, tờ bản đồ số 17) tại xóm a (xóm f cũ), xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An có diện tích đo thực tế 439,5m² được Ủy ban nhân dân huyện QL cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số A 592851 ngày 16 tháng 6 năm 1993 mang tên Nguyễn Văn L4 theo quy định của pháp luật. Di sản hiện nay không có người quản lý. Phân chia cụ thể như sau:

1. Chấp nhận giao ông Nguyễn Văn N được sử dụng 219,7m² (hai trăm mười chín phẩy bảy mét vuông) có tứ cận kích thước cụ thể: Cạnh phía Tây giáp đường xóm dài 3,29m + 4,72m + 6,18m + 2,87m + 2,37m + 4,21m; cạnh phía Đông giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Hải L sử dụng kích thước dài 18,10m; cạnh phía Nam giáp đường xóm dài 11,22m; cạnh phía bắc giáp thửa 178 và thửa 179 dài 1,18m + 1,01m + 1,40m + 1,94m + 2,74m. Ông Nguyễn Văn N sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 (một) nhà ngói ba gian đã cũ, 01 (một) nhà bếp đã cũ, bờ bao phía nam dài 10,79m, bờ bao phía tây dài 3,8m + 12,6m, 02 trụ cổng, cổng sắt, bể nước. Chấp nhận thỏa thuận ông Nguyễn Văn N không phải giao tiền giá trị đất cho ông Nguyễn Thế Q, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2.

2. Giao cho ông Nguyễn Hải L sử dụng phần đất có diện tích 114m², có kích thước cạnh phía Tây giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Thế N sử dụng có kích thước 18,1m và cạnh phía Đông giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng kích thước 18,1m, cạnh phía Bắc và cạnh phía Nam có kích thước 6,3m. Ông Nguyễn Hải L có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Thế C số tiền 164.812.500 đồng (một trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng), tiền giá trị một suất đất ông được hưởng khi chia thừa kế.

Ông Nguyễn Thế C được nhận 164.812.500 đồng (một trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng), ông Nguyễn Hải L giao tiền giá trị đất ông C được hưởng thừa kế.

3. Giao cho bà Nguyễn Thị B sử dụng phần đất có diện tích 105,8m², kích thước cạnh phía Bắc 0,61m + 3,68m + 0,43m + 1,61m, cạnh phía Nam có kích thước 6,31m giáp đường xóm, cạnh phía Đông 2,12m + 7,72m + 7,15m. Chấp nhận thỏa thuận bà Nguyễn Thị B không phải giao tiền giá trị đất cho bà Nguyễn Thị L3.

Chấp nhận thỏa thuận, bờ tường bao xây bằng tấp lô cũ nằm trên phần đất của người nào được giao sử dụng thuộc Q sử hữu, sử dụng của người đó.

Các phần đất giao cho các đương sự có sơ đồ kèm theo được đo vẽ ngày 08/4/2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được chia Q sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm Q để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án phí: Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị B, mỗi người phải nộp số tiền 8.240.625 đồng (tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn sáu trăm hai lăm đồng) án phí dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện QL;
- VKSND huyện QL;
- Chi cục THA dân sự h.QL;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thi